

### Bài tập 03 – Xây dựng giao diện người dùng

- ☐ Bài tập cá nhân ☒ Bài tập nhóm (nhóm tối đa ..... sinh viên)
- ☐ Bài tập tự luyện tập ☒ Bài tập cần nộp

#### Quy định về việc nộp bài:

- + **Thời hạn nộp bài:** theo quy định thông báo trong lớp và trên website môn học
- + **Cách nộp:** nộp bài trên Website môn học
- + Bài làm được nén thành 1 tập tin, đặt tên theo quy định

### Yêu cầu:

Anh/Chị hãy xây dựng giao diện như hình vẽ với các yêu cầu như sau:

Activity số 1: registerform

Activity số 2: resultform

- + **EditText “Password”:** Khi người dùng nhập phải hiển thị kí tự đại diện như dấu hoa thị hay dấu chấm đậm (\* hay •), không được hiển thị kí tự.
- + **EditText “Retype”:** Khi người dùng nhấn nút “Sign – up” phải kiểm tra xem nội dung có khớp như EditText “Password” hay không. Nếu không khớp, thông báo cho người dùng (Dùng Toast) nhập lại cho chính xác.
- + **EditText “Birthdate”:** Khi người dùng nhấn nút “Sign – up”, phải kiểm tra xem nội dung nhập có đúng định dạng dd/mm/yyyy hay không. Nếu không khớp, thông báo cho người dùng (Dùng Toast) nhập lại cho chính xác.
- + **Button “Select”:** Khi người dùng nhấn nút, xuất hiện DatePicker Dialog cho người dùng chọn ngày tháng năm, sau khi chọn xong, nội dung tự động điền vào EditText “Birthdate”. (Chức năng này có thể bỏ qua)

- ✚ **RadioButton “Male” và “Female”**: Người dùng chọn giới tính
- ✚ **Checkbox**: Cho người dùng “check” bình thường
- ✚ **Button “Reset”**: Khi người dùng nhấn, mọi thông tin bị xóa trắng cho người dùng nhập lại
- ✚ **Button “Sign – up”**: Khi người dùng nhấn nút này, mọi thông tin sẽ được gửi sang Activity số 2 (Với điều kiện là mọi thông tin đều hợp lệ)
- ✚ **Button “Exit”**: Khi người dùng nhấn nút này, thì **thoát hẳn** ứng dụng.

## Lưu ý:

- ✚ **Anh chị phải đặt tên activity chính xác như yêu cầu**

✚ Tìm hiểu cách liên lạc truyền thông tin giữa các activity, cách hiển thị DatePicker  
 Bài làm của mỗi nhóm được nén thành 1 file duy nhất (đặt tên là **MSSV.zip** hoặc **MSSV.rar**)

## Gợi ý:

ActivitySender: gửi thông tin cho activity2

```
Intent myIntentA1A2 = new Intent (Activity1.this, Activity2.class);
Bundle myBundle1 = new Bundle();
myBundle1.putInt ("val1", 123);
myIntentA1A2.putExtras(myBundle1);
startActivityForResult(myIntentA1A2, 1122);
```

ActivityReceiver: nhận thông tin từ activity1

```
Intent myCallerIntent = getIntent();
Bundle myBundle = myCallerIntent.getExtras();
int val1 = myBundle.getInt("val1");
```

ActivityReceiver: gửi trả thông tin cho activity1

```
myBundle.putString("val1", 456 );
myCallerIntent.putExtras(myBundle);
setResult(Activity.RESULT_OK, myCallerIntent);
```

ActivitySender: nhận thông tin từ activity2

```
@Override
protected void onActivityResult(int requestCode, int resultCode, Intent data){
    super.onActivityResult(requestCode, resultCode, data);
    try {
        if ((requestCode == ... ) && (resultCode == Activity.RESULT_OK)){
            Bundle myResultBundle = data.getExtras();
            <T> myResult = myResultBundle.get<T>("key");
            //...
        }
    }catch (Exception e) {//...}}
```